

An Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu xuống theo triều, khu vực nội đồng mức nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống theo triều, mức nước cao nhất ngày 05/02 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 15-35cm. Mức nước thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-20cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mức nước xuống nhanh, mức nước cao nhất ngày 05/02 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 20-65cm. Mức nước thấp nhất hầu hết ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ 2025 và TBNN từ 05-15cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm; mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 05/02 hầu hết ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm.

- Khu vực cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 05/02 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 64cm, xuống 07cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước trên các sông, kênh xuống chậm theo xu thế triều trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống nhanh theo triều trong 5 ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mức nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo xu thế triều biến Tây trong 2-3 ngày đầu, sau lên chậm lại.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: mặn trên các sông kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 7/2/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 05/02						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			06/2	07/2	08/2	09/2	10/2	06/2	07/2	08/2	09/2	10/2
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	17	-4	-20	165	20	37	160	156	152	147	142	19	21	20	16	10
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	4	-7	-1	176	18	51	172	168	164	159	153	6	8	6	0	-8
Hậu	Khánh An	420	470	520	73	19	8	155	30	25	151	145	139	135	131	71	68	65	62	59
	Châu Đốc	300	350	400	15	-6	-12	181	15	21	177	173	169	164	159	17	19	18	14	8
	Long Xuyên	190	220	250	4	-15	14	192	26	67	188	184	180	175	169	7	9	8	2	-6
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	5	-7	-7	178	18	49	174	170	166	161	155	8	10	8	3	-2
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	27	10	2	54	14	4	54	53	51	50	48	28	27	25	23	21
	Vĩnh Gia	200	240	280	34	23	4	37	11	3	38	37	35	34	32	35	34	32	30	28
	Vĩnh Điều	170	200	230	43	14	5	46	12	1	47	46	44	43	41	43	42	40	38	36
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	43	12	7	46	10	3	47	46	44	43	41	44	43	41	39	37
T5	Nông Trường	160	190	220	51	11	9	56	11	7	57	56	54	53	51	52	51	49	47	45
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	36	11	10	65	17	15	66	65	63	61	59	37	35	33	30	27
	Cô Tô	140	180	220	58	13	21	73	15	25	75	74	72	70	68	59	57	55	52	49
	Nam Thái Sơn	90	120	150	55	12	-	59	5	-	60	59	57	55	53	56	54	52	49	46
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	31	12	10	40	13	12	41	42	41	39	37	33	36	35	33	30
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	73	9	27	89	12	26	90	89	87	85	83	75	73	71	69	66
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	76	13	22	127	22	37	128	127	125	123	121	78	76	74	72	69
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	62	6	10	86	11	13	87	86	84	82	80	64	62	60	58	55
	Tân Thành	120	150	180	61	8	18	71	9	11	72	71	69	67	65	63	61	59	57	54
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	47	4	17	56	8	10	57	56	54	52	50	49	47	45	43	40
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	7	-3	16	41	8	3	42	41	40	38	36	6	4	2	0	-2
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-9	8	16	64	-7	11	59	52	46	48	52	-7	-9	-13	-17	-23

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





